

Số:

V/v hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023

Phú Yên, ngày 21 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã;
- Trường Cao đẳng nghề Phú Yên;
- Trường Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc Phú Yên.

Căn cứ Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT, ngày 12/3/2021 và Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT, ngày 24/3/2023 (gọi tắt là Quy chế thi); Công văn số 1515/BGDĐT-QLCL, ngày 07/4/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023;

Sở GDĐT hướng dẫn các đơn vị triển khai một số nội dung sau:

1. Lịch thi và thời gian làm bài

Theo Công văn số 1515/BGDĐT-QLCL ngày 07/4/2023 của Bộ GDĐT về hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, lịch thi và thời gian làm các bài thi/môn thi cụ thể như sau:

| Ngày | Buổi | Bài thi/Môn thi thành phần của bài thi tổ hợp | Thời gian làm bài | Giờ phát đề thi cho thí sinh | Giờ bắt đầu làm bài | |
|-----------|-----------|--|-------------------|------------------------------|---------------------|-----------|
| 27/6/2023 | SÁNG | 08 giờ 00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi | | | | |
| | CHIỀU | 14 giờ 00: Thí sinh làm thủ tục dự thi tại phòng thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi | | | | |
| 28/6/2023 | SÁNG | Ngữ văn | 120 phút | 07 giờ 30 | 07 giờ 35 | |
| | CHIỀU | Toán | 90 phút | 14 giờ 20 | 14 giờ 30 | |
| 29/6/2023 | SÁNG | Bài thi KHTN | Vật lí | 50 phút | 07 giờ 30 | 07 giờ 35 |
| | | | Hóa học | 50 phút | 08 giờ 30 | 08 giờ 35 |
| | | | Sinh học | 50 phút | 09 giờ 30 | 09 giờ 35 |
| | CHIỀU | Bài thi KHXXH | Lịch sử | 50 phút | 07 giờ 30 | 07 giờ 35 |
| | | | Địa lí | 50 phút | 08 giờ 30 | 08 giờ 35 |
| | | | Giáo dục công dân | 50 phút | 09 giờ 30 | 09 giờ 35 |
| CHIỀU | Ngoại ngữ | | 60 phút | 14 giờ 20 | 14 giờ 30 | |
| 30/6/2023 | | Dự phòng | | | | |

2. Bài thi và hình thức thi

a) Bài thi

Tổ chức thi 05 bài thi, gồm: 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Tự nhiên (viết tắt là KHTN) gồm các môn thi thành phần Vật lí, Hóa học, Sinh học; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Xã hội (viết tắt là KHXH) gồm các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân đối với thí sinh học chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT hoặc các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí đối với thí sinh học chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT.

b) Hình thức thi

- Các bài thi Toán, Ngoại ngữ và các bài thi tổ hợp: thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan (gọi tắt là thi trắc nghiệm);
- Bài thi Ngữ văn: thi theo hình thức tự luận.

3. Hướng dẫn công tác tổ chức Kỳ thi

a) Lịch công tác tổ chức Kỳ thi thực hiện theo Phụ lục I kèm theo hướng dẫn này;

b) Công tác tổ chức Hội đồng thi và đăng ký dự thi thực hiện theo quy định tại Chương II và Chương III Quy chế thi và hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục II kèm theo hướng dẫn này;

c) Công tác in sao, vận chuyển và bàn giao đề thi thực hiện theo Điều 18, Điều 19 Quy chế thi và hướng dẫn chi tiết theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Công văn số 1515/BGDĐT-QLCL ngày 07/4/2023 của Bộ GDĐT;

d) Công tác coi thi thực hiện theo quy định tại Chương V Quy chế thi và hướng dẫn chi tiết theo Phụ lục V ban hành kèm theo Công văn số 1515/BGDĐT-QLCL ngày 07/4/2023 của Bộ GDĐT;

đ) Công tác chấm thi, chấm kiểm tra và phúc khảo thực hiện theo quy định tại Chương VI, Chương VII Quy chế thi và hướng dẫn chi tiết theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Công văn số 1515/BGDĐT-QLCL ngày 07/4/2023 của Bộ GDĐT;

e) Công tác xét công nhận tốt nghiệp THPT thực hiện theo quy định tại Chương VIII Quy chế thi và hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục III kèm theo hướng dẫn này;

g) Hồ sơ đăng ký dự thi quy định tại Phụ lục IX; Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Công văn số 1515/BGDĐT-QLCL ngày 07/4/2023 của Bộ GDĐT;

h) Hội đồng thi in thẻ đeo cho tất cả những người tham gia tổ chức Kỳ thi; thẻ đeo phải được đóng dấu treo của Sở GDĐT (đối với các Ban của Hội đồng thi), đóng dấu của Điểm thi (đối với những người làm nhiệm vụ tại Điểm thi); trên thẻ đeo cần ghi rõ tên Hội đồng thi, tên Điểm thi (hoặc tên Ban), họ tên người làm nhiệm vụ.

4. Công tác phối hợp trong tổ chức Kỳ thi

Sở GDĐT phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và UBND các huyện thị, thị xã, thành phố trong tỉnh nhất là Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh và Sở Y tế để thực hiện các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo thi cấp quốc gia; bảo đảm thực hiện đúng Quy chế thi, hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của Bộ GDĐT. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh của Kỳ thi tiếp tục thực hiện theo Hướng dẫn phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn Kỳ thi tốt nghiệp THPT tại Công văn số 2369/ANCTNB&QLCL ngày 18/5/2021.

5. Các phần mềm dùng trong Kỳ thi

- Các đơn vị thống nhất sử dụng phần mềm quản lý thi (QLT) do Bộ GDĐT cung cấp: Phần mềm quản lý Kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023; Phần mềm Hỗ trợ coi thi, chấm thi (gọi tắt là Hệ thống QLT); Phần mềm chấm thi trắc nghiệm.

- Các đơn vị phải bảo đảm đúng quy định của Quy chế thi về phân công và quản lý nhân sự thực hiện nhiệm vụ sử dụng thiết bị, phần mềm phục vụ các khâu tổ chức Kỳ thi.

6. Kinh phí

- Ngân sách Nhà nước đảm bảo 100% kinh phí tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, không thu lệ phí dự thi của thí sinh;

- Mức chi cho công tác tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về Nghị quyết Quy định chi tiết nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các văn bản quy định hiện hành.

7. Chế độ ưu tiên, khuyến khích

Danh sách các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn hoặc xã có thôn đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách ưu tiên trong xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh vào đại học, cao đẳng năm 2023 theo Công văn số 635/SGDĐT-QLCL ngày 10/4/2023 của Sở GDĐT.

8. Chế độ báo cáo, lưu trữ

- Chế độ báo cáo: Các đơn vị thực hiện chế độ báo cáo đúng theo lịch công tác ở Phụ lục I, kịp thời, đúng biểu mẫu quy định; cập nhật thường xuyên, đầy đủ số liệu, bảo đảm độ chính xác trước khi báo cáo Sở GDĐT;

- Nếu phát sinh tình huống đặc biệt trong quá trình chuẩn bị, triển khai ĐKDT, tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu vào hệ thống QLT, tổ chức thi, công bố kết quả, xét công nhận tốt nghiệp THPT..., các đơn vị báo cáo ngay về Sở GDĐT;

- Địa chỉ nhận báo cáo: Phòng Quản lý chất lượng (QLCL), Sở GDĐT, số 56 Lê Duẩn, phường 7, Tp.Tuy Hòa, Phú Yên; email: quanlychatluong@phuyen.edu.vn; điện thoại: 0257.3842060.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện hướng dẫn này. Nếu có vướng mắc hoặc đề xuất cần báo cáo ngay về Sở GDĐT (qua Phòng QLCL) để được hướng dẫn, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLCL-Bộ GDĐT (báo cáo);
- Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- GD và các PGD Sở;
- Các phòng CMNV thuộc Sở;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL.

GIÁM ĐỐC

Trần Khắc Lễ

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC I

LỊCH CÔNG TÁC KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày 21/4/2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

| TT | Nội dung công tác | Đơn vị chủ trì | Đơn vị tham gia | Thời gian thực hiện |
|----|--|-----------------|--------------------------------------|---|
| 1 | Tập huấn Quy chế thi và nghiệp vụ tổ chức thi cho các Điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT) | Phòng QLCL | Các đơn vị ĐKDT | Ngày 21/4/2023 |
| 2 | Rà soát, cập nhật thông tin của học sinh, học viên (gọi chung là học sinh) đang học lớp 12 trên cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành, gồm: - Thông tin cá nhân học sinh; - Thông tin kết quả học tập của học sinh. | Phòng QLCL | Các đơn vị ĐKDT | - Hoàn thành trước 17 giờ ngày 25/4/2023- - Hoàn thành trước 17 giờ ngày 31/5/2023 |
| 3 | Lập và giao tài khoản cho thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023. | Phòng QLCL | Các trường phổ thông | - Từ ngày 26/4 đến hết ngày 28/4/2023 |
| 4 | - Tổ chức cho thí sinh là học sinh đang học lớp 12 thử đăng ký dự thi (ĐKDT) trực tuyến trên Hệ thống quản lý thi. | Phòng QLCL | Các trường phổ thông | - Từ ngày 26/4 đến hết ngày 30/4/2023 |
| 5 | - Tổ chức cho thí sinh đang học lớp 12 chính thức ĐKDT trực tuyến. | Phòng QLCL | Các trường phổ thông | - Từ ngày 04/5 đến 17 giờ ngày 13/5/2023 |
| 6 | Tổ chức cho thí sinh tự do ĐKDT trực tiếp; nhận Phiếu ĐKDT và nhập dữ liệu của thí sinh vào Hệ thống QLT | Phòng QLCL | Các Trung tâm, trường Trung cấp nghề | Từ ngày 04/5 đến 17 giờ ngày 13/5/2023 |
| 7 | Thành lập Ban Chỉ đạo thi tốt nghiệp THPT cấp tỉnh | Phòng TCCB | Các đơn vị có liên quan | Hoàn thành chậm nhất ngày 10/5/2023 |
| 8 | Rà soát, kiểm tra, chỉnh sửa thông tin của thí sinh (nếu có). | Các đơn vị ĐKDT | Phòng QLCL | Từ ngày 14/5 đến hết ngày 19/5/2023 |
| 9 | In danh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, b, c.... của tên thí sinh; in | Các đơn vị ĐKDT | Thí sinh dự thi | Hoàn thành chậm nhất ngày |

| TT | Nội dung công tác | Đơn vị chủ trì | Đơn vị tham gia | Thời gian thực hiện |
|-----------|--|----------------------------------|--|--------------------------------------|
| | Phiếu ĐKDT đối với thí sinh đăng ký ĐKDT trực tuyến; thí sinh ký xác nhận thông tin ĐKDT trên Phiếu và danh sách; | | | 22/5/2023 |
| 10 | Kiểm tra và kiểm tra chéo thông tin thí sinh | Các đơn vị ĐKDT | Phòng QLCL | Hoàn thành trước ngày 25/5/2023 |
| 11 | Hoàn thành chỉnh sửa thông tin của thí sinh (nếu có); bàn giao Danh sách thí sinh ĐKDT và Phiếu ĐKDT hoặc túi hồ sơ ĐKDT (đối với thí sinh tự do) cho Sở GDĐT. | Các đơn vị ĐKDT | Phòng QLCL | Từ ngày 26/5 đến hết ngày 28/5/2023 |
| 12 | Tập huấn Phần mềm chấm thi trắc nghiệm | Phòng QLCL | Thành viên chấm thi trắc nghiệm | Hoàn thành chậm nhất ngày 20/5/2023 |
| 13 | Thành lập Hội đồng thi, phân công nhiệm vụ các thành viên | Phòng TCCB, Phòng QLCL | Các đơn vị có liên quan | Hoàn thành trước ngày 21/5/2023 |
| 14 | Thành lập các Ban của Hội đồng thi và các Điểm thi | Phòng TCCB, Phòng QLCL | Các trường phổ thông; các đơn vị có liên quan | Theo tiến độ tổ chức Kỳ thi |
| 15 | Nhận Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT và hồ sơ kèm theo. | Các đơn vị ĐKDT | Thí sinh dự thi | Hoàn thành chậm nhất ngày 31/5/2023 |
| 16 | Nhập, rà soát dữ liệu xét công nhận tốt nghiệp của thí sinh vào Hệ thống QLT. | Các Đơn vị ĐKDT | Phòng QLCL | Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 06/6/2023 |
| 17 | Cập nhật báo cáo trước Kỳ thi vào Hệ thống QLT và gửi về Bộ GDĐT | Phòng QLCL | Cục QLCL | Hoàn thành chậm nhất ngày 07/6/2023 |
| 18 | Thông báo công khai những trường hợp thí sinh không đủ điều kiện dự thi | Thủ trưởng đơn vị ĐKDT | Thí sinh dự thi | Hoàn thành chậm nhất ngày 07/6/2023 |
| 19 | Đánh số báo danh, xếp phòng thi theo từng bài thi/môn thi tại các Điểm thi | Ban Thư ký Hội đồng thi | Phòng QLCL | Hoàn thành chậm nhất ngày 11/6/2023 |
| 20 | In các tài liệu cho công tác tổ chức thi và trả Giấy báo dự thi cho thí sinh. | Ban Thư ký Hội đồng thi | Các đơn vị ĐKDT | Hoàn thành chậm nhất ngày 18/6/2023 |
| 21 | Tập huấn nghiệp vụ thi cho cán bộ làm công tác thi tại các trường phổ thông. | Hiệu trưởng các trường phổ thông | Cán bộ, giáo viên và nhân viên tham gia công tác thi | Hoàn thành chậm nhất ngày 24/6/2023 |

| TT | Nội dung công tác | Đơn vị chủ trì | Đơn vị tham gia | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|--|--------------------------------------|---|
| 22 | Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để tổ chức thi: phòng thi, phòng làm việc của Điểm thi, phòng, tủ đựng đề thi, bài thi, camera giám sát, điện dự phòng; điện chiếu sáng, quạt mát các phòng thi; vệ sinh; an toàn phòng cháy, chữa cháy... | Hội đồng thi | Các Điểm thi | Hoàn thành chậm nhất ngày 24/6/2023 |
| 23 | Ban Coi thi làm việc. | Ban Coi thi của Hội đồng thi | Ban Thư ký | Từ ngày 25/6/2023 |
| 24 | Bàn giao Hồ sơ thi, các biểu mẫu, văn phòng phẩm, Giấy thi, giấy nháp, Phiếu trả lời trắc nghiệm... phục vụ công tác coi thi | Ban Thư ký Hội đồng thi | Các trường chọn làm Điểm thi | Hoàn thành chậm nhất ngày 26/6/2023 |
| 25 | Tập huấn nghiệp vụ coi thi cho Trưởng Điểm thi và Thư ký 1 tại Sở GDĐT | Hội đồng thi, Ban Coi thi | Trưởng các Điểm thi và Thư ký 1 | Từ 08 giờ, 00 ngày 26/6/2023 |
| 26 | Tiếp nhận cơ sở vật chất phục vụ thi; Họp Lãnh đạo, thư ký, công an, bảo vệ, phục vụ và phân công nhiệm vụ tại Điểm thi | Trưởng Điểm thi | Thành viên theo quy định | Từ 14 giờ, 00 ngày 26/6/2023 |
| 27 | Ban Coi thi làm việc; Họp cán bộ làm công tác coi thi và tập huấn nghiệp vụ thi tại các Điểm thi | Ban coi thi, Ban Thư ký, Các Điểm thi | Cán bộ làm công tác thi tại Điểm thi | Từ 08 giờ, 00 ngày 27/6/2023 |
| 28 | Bàn giao đề thi tới các Điểm thi | Ban In sao đề thi; Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi | Trưởng Điểm thi | Trong ngày 27/6/2023 |
| 29 | Thí sinh đến phòng thi làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi | Trưởng Điểm thi | Cán bộ coi thi, thí sinh dự thi | Từ 14 giờ, 00 ngày 27/6/2023 |
| 30 | Tổ chức coi thi | Ban Coi thi | Các Điểm thi | Các ngày 28, 29 và 30/6/2023 |
| 31 | Cập nhật báo cáo nhanh tình hình coi thi từng buổi thi tại các Hội đồng thi vào Hệ thống QLT | Các Điểm thi | Ban Thư ký Hội đồng thi | Buổi sáng, chậm nhất 11 giờ 30. Buổi chiều, chậm nhất 16 giờ 30 |
| 32 | Nhận, bàn giao bài thi, hồ sơ thi tại các Điểm thi | Các Điểm thi | Ban Vận chuyển và bàn giao bài thi | Ngày 29/6/2023 |
| 33 | Nhận, bàn giao bài thi, hồ sơ thi | Ban Vận | Ban Thư ký | Từ 15 giờ, 00 |

| TT | Nội dung công tác | Đơn vị chủ trì | Đơn vị tham gia | Thời gian thực hiện |
|-----------|--|--|---|-------------------------------------|
| | tại Điểm chấm thi đặt tại trường THPT chuyên Lương Văn Chánh | chuyên và bàn giao bài thi | Hội đồng thi | ngày 29/6/2023 |
| 34 | Giao bài thi tự luận cho Ban Làm phách tại Khu vực cách li làm phách ở Sở GDĐT; giao bài thi trắc nghiệm cho Ban Chấm thi trắc nghiệm tại trường THPT chuyên Lương Văn Chánh | Ban Thư ký Hội đồng thi | Ban Làm phách bài; Ban Chấm thi trắc nghiệm | Từ 08 giờ, 00 ngày 30/6/2023 |
| 35 | Cập nhật báo cáo tổng hợp số liệu và tình hình coi thi tại các Hội đồng thi vào Hệ thống QLT | Ban Thư ký Hội đồng thi | Các Điểm thi | Chậm nhất 11 giờ 30 ngày 30/6/2023 |
| 36 | - Tổ chức chấm thi; - Tổng kết công tác chấm thi; - Gửi dữ liệu kết quả thi về Bộ GDĐT; - Đối sánh kết quả thi | Ban Chấm thi, Ban Thư ký, Hội đồng thi | Cục QLCL | Hoàn thành chậm nhất ngày 15/7/2023 |
| 37 | Công bố kết quả thi | Hội đồng thi | Các đơn vị ĐKDT | 8h00 ngày 18/7/2023 |
| 38 | Xét công nhận tốt nghiệp THPT | Hội đồng thi | Các đơn vị ĐKDT | Hoàn thành chậm nhất ngày 20/7/2023 |
| 39 | Cập nhật vào Hệ thống QLT và gửi báo cáo kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT về Bộ GDĐT; công bố kết quả tốt nghiệp THPT | Sở GDĐT | Cục QLCL | Hoàn thành chậm nhất ngày 22/7/2023 |
| 40 | Cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; trả học bạ và các loại Giấy chứng nhận liên quan (bản chính) cho thí sinh | Hiệu trưởng trường phổ thông | Thí sinh dự thi | Hoàn thành chậm nhất ngày 24/7/2023 |
| 41 | In và gửi Giấy chứng nhận kết quả thi cho thí sinh | Hội đồng thi | Các đơn vị ĐKDT | Hoàn thành chậm nhất ngày 24/7/2023 |
| 42 | Thu nhận đơn phúc khảo và lập danh sách phúc khảo | Các đơn vị ĐKDT | Hội đồng thi | Từ ngày 18/7 đến hết ngày 27/7/2023 |
| 43 | Chuyển dữ liệu phúc khảo cho Sở GDĐT/Hội đồng thi | Các đơn vị ĐKDT | Hội đồng thi | Hoàn thành chậm nhất ngày 28/7/2023 |
| 44 | Tổ chức phúc khảo bài thi (nếu có) | Ban Phúc khảo của Hội đồng thi | Cục QLCL | Hoàn thành chậm nhất ngày 05/8/2023 |
| 45 | Xét công nhận tốt nghiệp THPT sau phúc khảo | Sở GDĐT | Các trường phổ thông | Hoàn thành chậm nhất ngày 12/8/2023 |

| TT | Nội dung công tác | Đơn vị chủ trì | Đơn vị tham gia | Thời gian thực hiện |
|-----------|--|-----------------------|------------------------|-------------------------------------|
| 46 | Cập nhật vào Hệ thống QLT; gửi báo cáo và dữ liệu tổng hợp kết quả tốt nghiệp THPT về Bộ GDĐT (qua Cục QLCL) | Sở GDĐT | Cục QLCL | Hoàn thành chậm nhất ngày 13/8/2023 |
| 47 | Gửi danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT về Bộ GDĐT (qua Văn phòng Bộ) | Sở GDĐT | Văn phòng Bộ GDĐT | Hoàn thành chậm nhất ngày 15/8/2023 |

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC II

TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG THI VÀ ĐĂNG KÝ DỰ THI
(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày 21/4/2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Hội đồng thi: được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 8 Quy chế thi tốt nghiệp THPT (gọi tắt là Quy chế thi), cụ thể như sau:

a) Hội đồng thi do Sở GDĐT Phú Yên chủ trì, Hội đồng thi có nhiều Điểm thi.

b) Quy định mã trong Kỳ thi:

- Tên sở: **Sở GDĐT Phú Yên**

- Mã Sở: **39**

- Tên Hội đồng thi: **Sở GDĐT Phú Yên**

- Mã Hội đồng thi: **39**

- Mỗi đơn vị ĐKDT được Sở GDĐT gán mã số gồm ba chữ số từ 001 đến 999; theo đó:

+ Mã Đơn vị ĐKDT: từ 001, 002... đến 900 được gán cho các trường THPT, trung tâm GDTX hoặc cơ sở giáo dục tương đương khác (gọi chung là trường phổ thông), nơi thí sinh thuộc điểm a khoản 1 Điều 12 Quy chế thi (**thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023**) ĐKDT và đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, cụ thể như sau:

| STT | Mã đơn vị ĐKDT | Tên đơn vị đăng ký dự thi |
|-----|----------------|--------------------------------|
| 1 | 001 | THPT Nguyễn Huệ |
| 2 | 002 | THPT Trần Quốc Tuấn |
| 3 | 003 | Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh |
| 4 | 004 | Phổ thông Duy Tân |
| 5 | 005 | THPT chuyên Lương Văn Chánh |
| 6 | 006 | THPT Lê Trung Kiên |
| 7 | 007 | THPT Ngô Gia Tự |
| 8 | 008 | THPT Lê Hồng Phong |
| 9 | 009 | THPT Phạm Văn Đồng |
| 10 | 010 | THPT Lê Thành Phương |
| 11 | 011 | THPT Trần Phú |
| 12 | 012 | THPT Phan Đình Phùng |
| 13 | 013 | THPT Phan Chu Trinh |
| 14 | 014 | THPT Lê Lợi |
| 15 | 015 | THPT Phan Bội Châu |
| 16 | 016 | THPT Nguyễn Du |
| 17 | 017 | THPT Nguyễn Trãi |
| 18 | 018 | THPT Nguyễn Trường Tộ |
| 19 | 019 | THPT Nguyễn Bình Khiêm |

| STT | Mã đơn vị ĐKDT | Tên đơn vị đăng ký dự thi |
|------------|-----------------------|---|
| 20 | 020 | THPT Nguyễn Công Trứ |
| 21 | 021 | THPT Nguyễn Thị Minh Khai |
| 22 | 022 | Trung tâm GDTX tỉnh |
| 23 | 023 | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Đông Hòa |
| 24 | 024 | THPT Trần Bình Trọng |
| 25 | 025 | THCS và THPT Võ Thị Sáu |
| 26 | 026 | Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc Phú Yên |
| 27 | 027 | THPT Nguyễn Thái Bình |
| 28 | 028 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đồng Xuân |
| 29 | 029 | THPT Trần Suyễn |
| 30 | 032 | Cao đẳng nghề Phú Yên |
| 31 | 033 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sông Hinh |
| 32 | 034 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuy An |
| 33 | 035 | THCS và THPT Nguyễn Khuyến |
| 34 | 037 | THPT Nguyễn Văn Linh |
| 35 | 038 | THPT Tôn Đức Thắng |
| 36 | 039 | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Sông Cầu |
| 37 | 040 | THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc |
| 38 | 041 | THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân |
| 39 | 042 | THCS và THPT Chu Văn An |
| 40 | 044 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Hòa |
| 41 | 045 | THCS và THPT Võ Văn Kiệt |
| 42 | 046 | THCS và THPT Võ Nguyên Giáp |
| 43 | 047 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tây Hòa |

+ Mã Đơn vị ĐKDT: từ 901 đến 999 được gán cho Trung tâm GDTX hoặc cơ sở giáo dục tương đương khác là nơi thí sinh thuộc điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 Quy chế thi (gọi tắt là thí sinh tự do) ĐKDT và đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, cụ thể như sau:

| STT | Mã đơn vị ĐKDT | Tên đơn vị đăng ký dự thi |
|------------|-----------------------|---|
| 01 | 901 | Trung tâm GDTX tỉnh |
| 02 | 902 | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Đông Hòa |
| 03 | 903 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đồng Xuân |
| 04 | 904 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sông Hinh |
| 05 | 905 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuy An |
| 06 | 906 | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Sông Cầu |
| 07 | 907 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Hòa |
| 08 | 908 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tây Hòa |
| 09 | 909 | Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc Phú Yên |

- Mã Điểm thi: được Hội đồng thi gán mã số từ 01 đến hết sau khi hoàn thành công tác đánh số báo danh, lên danh sách phòng thi.

Các đơn vị ĐKDT thi được cấp 01 tài khoản để truy cập vào hệ thống QLT của Bộ GDĐT; sau khi đăng nhập vào hệ thống QLT, các đơn vị nhập các thông tin theo quy định trong Hệ thống QLT; rà soát lại danh sách và thông tin có liên quan đến đơn vị ĐKDT đảm bảo đúng quy định.

2. Đăng ký dự thi

2.1. Đối tượng dự thi gồm (theo khoản 1, Điều 12 Quy chế thi):

- a) Người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức Kỳ thi (học sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023);
- b) Người đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
- c) Người đã có Bằng tốt nghiệp THPT, người đã có Bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh đại học, cao đẳng;
- d) Một số trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định.

2.2. Điều kiện dự thi

a) Đối tượng quy định tại điểm a: phải bảo đảm được đánh giá ở lớp 12 đạt hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên và học lực không bị xếp loại kém; riêng đối với người học thuộc diện không phải xếp loại hạnh kiểm và người học theo hình thức tự học có hướng dẫn thuộc chương trình GDTX thì không yêu cầu xếp loại hạnh kiểm;

b) Đối tượng quy định tại điểm b: phải có Bằng tốt nghiệp THCS và phải bảo đảm được đánh giá ở lớp 12 đạt hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên và học lực không bị xếp loại kém; trường hợp không đủ điều kiện dự thi trong các năm trước do xếp loại học lực kém ở lớp 12, phải đăng ký và dự kỳ kiểm tra cuối năm học đối với một số môn học có điểm trung bình dưới 5,0 (năm) điểm (tại trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc trường phổ thông nơi ĐKDT), bảo đảm khi lấy điểm bài kiểm tra thay cho điểm trung bình môn học để tính lại điểm trung bình cả năm thì đủ điều kiện dự thi về xếp loại học lực theo quy định; trường hợp không đủ điều kiện dự thi trong các năm trước do bị xếp loại yếu về hạnh kiểm ở lớp 12, phải được UBND cấp xã nơi cư trú xác nhận việc chấp hành chính sách pháp luật và các quy định của địa phương để được trường phổ thông nơi học lớp 12 xác nhận đủ điều kiện dự thi về xếp loại hạnh kiểm theo quy định;

c) Đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp quy định tại điểm c: phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT;

d) Các đối tượng dự thi phải ĐKDT và nộp đầy đủ các giấy tờ đúng thời hạn.

2.3. Nơi đăng ký dự thi

- Học sinh, học viên đang học lớp 12 năm học 2022-2023: đăng ký dự tại trường phổ thông, tại trung tâm nơi đang theo học.

- Thí sinh tự do (đã tốt nghiệp hoặc chưa tốt nghiệp các năm trước): nộp hồ sơ ĐKDT tại các Trung tâm GDNN-GDTX huyện, thị xã; Trung tâm GDTX tỉnh và Trường Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc Phú Yên theo địa bàn nơi đang cư trú hoặc nơi đang học tập, làm việc.

2.4. Đăng ký dự thi

- Thí sinh là học sinh, học viên đang học lớp 12 năm học 2022-2023 (gọi tắt là thí sinh đang học lớp 12): **Thực hiện ĐKDT trực tuyến trên Hệ thống QLT** (chỉ ĐKDT trực tiếp trong trường hợp bất khả kháng) và **đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT trực tiếp tại trường, trung tâm đang theo học.**

- Thí sinh tự do: **Thực hiện ĐKDT và đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT (nếu có) trực tiếp** tại các Trung tâm GDNN-GDTX huyện, thị xã, Trung tâm GDTX tỉnh và Trường Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc Phú Yên.

- Các đơn vị ĐKDT cần chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho việc ĐKDT; tổ chức kiểm tra và kiểm tra chéo thông tin thí sinh ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, đặc biệt lưu ý các thông tin về diện ưu tiên, điểm khuyến khích trong xét công nhận tốt nghiệp THPT và thông tin để hưởng ưu tiên trong xét tuyển sinh ĐH, CĐ; tổ chức lưu giữ hồ sơ ĐKDT của thí sinh.

- Thủ trưởng các đơn vị nơi thí sinh ĐKDT chịu trách nhiệm hướng dẫn học sinh đăng ký dự thi, thực hiện ĐKDT trực tuyến (đối với thí sinh đang học lớp 12); hướng dẫn ghi Phiếu, thu Phiếu ĐKDT, nhập thông tin thí sinh ĐKDT, quản lý hồ sơ ĐKDT (đối với thí sinh tự do); chuyển hồ sơ, dữ liệu ĐKDT cho Sở GDĐT và lưu ý một số điểm sau:

a) Cấp tài khoản của thí sinh trên Hệ thống QLT

- **Từ ngày 26/4/2023 đến hết ngày 28/4/2023**, trường phổ thông cấp cho các thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023 tài khoản (là số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân của thí sinh- viết tắt là **CCCD/CMND**; trường hợp thí sinh không có CCCD/CMND thì sử dụng mã số định danh cá nhân - viết tắt là **ĐDCN**- được cơ quan Công an cấp; trường hợp thí sinh không có quốc tịch Việt Nam thì sử dụng **số Hộ chiếu** của thí sinh để thay thế) và mật khẩu để truy cập Hệ thống QLT. Các thí sinh có thể thử đăng ký dự thi trực tuyến trên Hệ thống QLT ngay sau khi được cấp tài khoản và mật khẩu **đến hết ngày 30/4/2023**.

- Sau khi nộp Phiếu ĐKDT, thí sinh tự do sẽ được Đơn vị ĐKDT cấp tài khoản (là số CCCD/CMND/ĐDCN/Số Hộ chiếu của thí sinh) và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống QLT tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>.

- Thí sinh cần bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu được cấp để đăng nhập vào Hệ thống QLT từ khi ĐKDT đến khi xem kết quả thi, xét công nhận tốt nghiệp THPT. Để bảo mật thông tin, khi nhận được tài khoản và mật khẩu, thí sinh nên thay đổi ngay mật khẩu. Trong trường hợp thí sinh quên tài khoản và mật khẩu thì có thể liên hệ với Đơn vị ĐKDT để cấp lại.

Tùy từng thời điểm, khi đăng nhập vào Hệ thống QLT, thí sinh có thể biết được các thông tin như: Thông tin ĐKDT (*phản hồi các sai sót nếu có trên Hệ thống QLT chậm nhất ngày 19/5/2023*); thông tin xét công nhận tốt nghiệp THPT (*phản hồi các sai sót nếu có trên Hệ thống QLT chậm nhất ngày 06/6/2023*); Giấy báo dự thi; kết quả thi; kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT.

b) Các Đơn vị ĐKDT chịu trách nhiệm hướng dẫn thí sinh chuẩn bị hồ sơ để khai báo vào Phiếu ĐKDT Kỳ thi tốt nghiệp THPT (gọi tắt là Phiếu ĐKDT) trên phần mềm (đối với thí sinh đăng ký trực tuyến) hoặc điền vào Phiếu ĐKDT (đối với thí sinh đăng ký trực tiếp) đầy đủ và đúng các thông tin; rà soát hồ sơ đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT để bảo đảm độ chính xác thông tin thí sinh điền vào Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, đặc biệt là thông tin về diện ưu tiên để được cộng điểm ưu tiên (nếu có); xem xét và quyết định điều kiện dự thi của thí sinh, tuyệt đối không tiếp nhận hồ sơ không hợp lệ. Đồng thời, hướng dẫn thí sinh khai báo trên phần mềm thông tin để hưởng ưu tiên trong xét tuyển sinh ĐH, CĐ; rà soát thông tin thí sinh khai báo và hồ sơ, minh chứng thí sinh nộp kèm theo.

c) Khi ĐKDT, thí sinh phải kê khai bảo đảm chính xác các thông tin về mã tỉnh, mã trường phổ thông,... đúng quy định.

d) Đăng ký bài thi tổ hợp/môn thi thành phần: Thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023 được ĐKDT chỉ một bài thi tổ hợp (KHTN hoặc KHXH) để xét công nhận tốt nghiệp THPT; thí sinh tự do thuộc điểm c khoản 1 Điều 12 Quy chế thi chỉ được ĐKDT các môn thi thành phần trong cùng một bài thi tổ hợp. **Sau khi kết thúc thời hạn ĐKDT, thí sinh không được thay đổi các thông tin về bài thi/môn thi đã đăng ký.**

đ) Với bài thi Ngoại ngữ, thí sinh được chọn dự thi một trong 7 (bảy) ngôn ngữ sau: **Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật và Tiếng Hàn.** Thí sinh được ĐKDT môn Ngoại ngữ khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông; thí sinh là học viên GDTX được ĐKDT bài thi Ngoại ngữ để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ.

Các trường hợp thí sinh được miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT:

- Thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Thí sinh có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ (giống hoặc khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông) hợp lệ, có giá trị sử dụng ít nhất đến ngày **27/06/2023** và đạt mức điểm tối thiểu theo bảng dưới đây:

| TT | Môn Ngoại ngữ | Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu | Đơn vị cấp chứng chỉ |
|----|---------------|---|---|
| 1 | Tiếng Anh | - TOEFL ITP 450 điểm - TOEFL iBT 45 điểm | Educational Testing Service (ETS) |
| | | IELTS 4.0 điểm | - British Council (BC) - International Development Program (IDP) |
| 2 | Tiếng Nga | TORFL cấp độ 1 (Первый сертификационный уровень - ТРКИ-1) | Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi) |

| TT | Môn Ngoại ngữ | Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu | Đơn vị cấp chứng chỉ |
|-----------|-------------------------|--|--|
| 3 | Tiếng Pháp | - TCF (300-400 điểm) - DELF B1 | Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP) |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | - HSK cấp độ 3 - TOCFL cấp độ 3 | - Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese); Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc); - Ủy ban công tác thúc đẩy Kỳ thi đánh giá năng lực Hoa ngữ quốc gia (Steering Committee for the Test of Proficiency –Huayu) |
| | | - HSK cấp độ 3 | Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (Center for Language Education and Cooperation”) |
| 5 | Tiếng Đức | - Goethe-Zertifikat B1 - Deutsches Sprachdiplom (DSD) B1 - Zertifikat B1 | Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA) |
| 6 | Tiếng Nhật | JLPT cấp độ N3 | Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation) |

a) Thí sinh tự do thuộc điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế thi có nguyện vọng được xem xét bảo lưu điểm thi theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Quy chế thi. Điểm bảo lưu do Hiệu trưởng trường phổ thông nơi thí sinh ĐKDT Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 kiểm tra và xác nhận; trường hợp thí sinh dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 tại tỉnh khác với tỉnh đã dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 thì điểm bảo lưu do Sở GDĐT nơi thí sinh đã dự thi tốt nghiệp THPT năm 2022 kiểm tra và xác nhận.

g) Thí sinh tự do thuộc điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế thi có học bạ theo chương trình THPT nào phải ĐKDT theo quy định dành cho chương trình đó. Nếu thí sinh bị mất bản chính học bạ THPT có nguyện vọng được dự thi năm 2023 phải có xác nhận bản sao học bạ được cấp hoặc bản sao kết quả học tập THPT, trên cơ sở đối chiếu với hồ sơ lưu của trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc căn cứ vào hồ sơ dự thi của các kỳ thi trước do Sở GDĐT xác nhận.

h) Ảnh của thí sinh là ảnh màu cỡ 4x6 cm, kiểu CCCD/CMND, được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng. Ảnh của thí sinh (có thể quét ảnh thí sinh đã nộp hoặc nhập từ file ảnh hoặc chụp ảnh trực tiếp) phải được nhập ngay khi

nhập Phiếu ĐKDT. Ảnh của thí sinh đưa vào hệ thống có độ phân giải là 400x600 pixels và phải được gắn đúng với thí sinh.

i) Thời hạn ĐKDT:

- Từ ngày **04/5/2023** đến **17 giờ ngày 13/5/2023**:

+ Thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023 thực hiện ĐKDT trực tuyến hoặc trực tiếp;

+ Thí sinh tự do thực hiện ĐKDT trực tiếp; Đơn vị ĐKDT thu hồ sơ ĐKDT và bản photocopy CMND/CCCD, nhập dữ liệu của thí sinh vào Hệ thống QLT (thí sinh có thể nộp phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ và thông tin người nhận nếu thấy cần thiết).

+ Sau khi hoàn thành việc nhập dữ liệu ĐKDT trên hệ thống QLT, Đơn vị ĐKDT in thông tin ĐKDT của thí sinh từ Hệ thống QLT, giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc người được phân công tổ chức cho học sinh rà soát và ký xác nhận.

- Chậm nhất **17 giờ 00 ngày 13/5/2023** các Đơn vị ĐKDT phải hoàn thành việc nhập Hồ sơ ĐKDT cho thí sinh tự do. Sở GDĐT hoàn thành việc rà soát điểm bảo lưu của thí sinh và chỉnh sửa sai sót hồ sơ ĐKDT (nếu có) chậm nhất ngày **19/5/2023**.

- Chậm nhất ngày **22/5/2023**, các Đơn vị ĐKDT hoàn thành các công việc: In Phiếu ĐKDT, Phiếu ĐKDT số 1, Phiếu ĐKDT số 2 của thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023; ký tên, đóng dấu trên các phiếu ĐKDT đã in; lưu tại Đơn vị Phiếu ĐKDT số 1; giao lại cho thí sinh Phiếu ĐKDT số 2.

- Chậm nhất ngày **06/6/2023**, các Đơn vị ĐKDT hoàn thành các công việc sau:

+ Thu Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT và hồ sơ hưởng ưu tiên trong xét tuyển sinh ĐH, CĐ; nhập dữ liệu xét công nhận tốt nghiệp THPT và dữ liệu về ưu tiên trong xét tuyển sinh ĐH, CĐ của thí sinh vào Hệ thống QLT. Ngay sau khi nhập xong dữ liệu, in thông tin của thí sinh từ Hệ thống QLT, giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc người được phân công tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận.

+ Kiểm tra hồ sơ ĐKDT và các hồ sơ có liên quan đến Kỳ thi, xem xét điều kiện dự thi của từng thí sinh, xác nhận tư cách thí sinh, quyết định không cho thí sinh dự thi nếu không đủ điều kiện và hồ sơ hợp lệ; đồng thời, thông báo trực tiếp cho thí sinh. Sau đó, in Danh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của tên thí sinh theo lớp/trường đối với thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023, theo đối tượng đối với thí sinh tự do.

- Các trường phổ thông hướng dẫn để thí sinh có CCCD/CMND/ĐDCN/Số Hộ chiếu trước khi ĐKDT (thí sinh liên hệ với công an địa phương để cấp nếu chưa có). **Trong trường hợp thí sinh tự do không có CCCD/CMND/ĐDCN/Số Hộ chiếu** và mã định danh thì Hệ thống QLT sẽ gán cho thí sinh một mã số gồm 12 ký tự để quản lý. Những thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển sinh ĐH, CĐ thì phải đăng ký số điện thoại, email của mình khi ĐKDT.

Lưu ý: Thí sinh đã đăng ký sơ tuyển phải dùng CCCD/CMND/ĐDCN/Số Hộ chiếu thống nhất khi ĐKDT, đăng ký sơ tuyển và đăng ký xét tuyển sinh ĐH, CĐ .

- Trong thời hạn đăng ký dự thi, thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển sinh ĐH, CĐ phải khai báo trên phần mềm đầy đủ, đúng các thông tin kèm minh chứng theo quy định.

- Hồ sơ, chứng nhận hưởng ưu tiên, khuyến khích liên quan đến xét công nhận tốt nghiệp THPT phải được thí sinh nộp cho Đơn vị ĐKDT chậm nhất ngày **31/5/2023**. Đơn vị ĐKDT có trách nhiệm rà soát, tra cứu thông tin cung cấp bởi CSDL quốc gia về dân cư (trên Hệ thống QLT) để xác nhận diện ưu tiên theo nơi thường trú cho thí sinh.

- Đơn vị ĐKDT chịu trách nhiệm bảo quản Phiếu ĐKDT số 1, Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT kèm theo, Danh sách thí sinh ĐKDT để xuất trình kịp thời phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, công tác xét công nhận tốt nghiệp THPT và yêu cầu sửa chữa (nếu có); **bàn giao cho Sở GDĐT Danh sách ĐKDT và Phiếu ĐKDT đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2022-2023 hoặc túi hồ sơ ĐKDT (có bản sao CCCD/CMND/ĐDCN/Hộ chiếu) đối với thí sinh tự do.**

k) Sở GDĐT thành lập đoàn kiểm tra các đơn vị ĐKDT thực hiện các công việc như: Hướng dẫn thí sinh ĐKDT, thu Phiếu ĐKDT, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT, cập nhật dữ liệu vào Hệ thống QLT. Chậm nhất trước ngày **06/6/2023**, các đơn vị ĐKDT hoàn thành việc kiểm tra, cập nhật những sửa đổi, bổ sung dữ liệu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT (nếu có) của thí sinh vào Hệ thống QLT để Sở tổng hợp và báo cáo Bộ GDĐT theo quy định.

XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT
(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày 21/4/2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Việc xét công nhận tốt nghiệp THPT được thực hiện theo quy định tại Chương VIII Quy chế thi; lưu ý một số điểm sau:

1. Khi xét công nhận tốt nghiệp THPT:

- Thí sinh là học viên GDTX không thuộc diện xếp loại hạnh kiểm và học theo hình thức tự học có hướng dẫn nếu được xét đặc cách theo quy định tại Điều 37 Quy chế thi thì không phải có điều kiện về xếp loại hạnh kiểm.

Việc bảo lưu điểm thi quy định tại Điều 38 Quy chế thi; áp dụng với thí sinh đã dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 để xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2023. Việc bảo lưu điểm thi quy định tại Điều 38 Quy chế thi như sau:

i) Thí sinh đã dự thi đủ các bài thi/môn thi quy định nhưng chưa tốt nghiệp THPT và không bị kỷ luật hủy kết quả thi được bảo lưu điểm thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT trong Kỳ thi năm liền kề tiếp theo. Bài thi/môn thi được bảo lưu điểm thi gồm:

- + Bài thi độc lập đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên;
- + Bài thi tổ hợp đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên và các môn thi thành phần của bài thi này đều đạt trên 1,0 (một) điểm;
- + Môn thi thành phần của bài thi tổ hợp đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên.

ii) Thí sinh không sử dụng điểm bảo lưu thi phải thi tất cả các bài thi/môn thi đã đăng ký để xét công nhận tốt nghiệp THPT như thí sinh không có điểm bảo lưu.

- Đối với các thí sinh đủ điều kiện dự thi nhưng không có điểm trung bình cả năm lớp 12 theo quy định thì chỉ dùng điểm thi của các bài thi theo quy định để tính điểm xét công nhận tốt nghiệp THPT.

- Nếu thí sinh vừa có Giấy chứng nhận nghề hoặc vừa có Bằng tốt nghiệp trung cấp thì thí sinh chỉ được dùng một trong hai loại giấy tờ trên để được cộng điểm khuyến khích; nếu thí sinh có nhiều Giấy chứng nhận nghề hoặc Bằng tốt nghiệp trung cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Quy chế thi thì chỉ được cộng điểm khuyến khích đối với 01 Giấy/Bằng có kết quả cao nhất.

- Chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học quy định tại khoản 3 Điều 40 Quy chế thi là chứng chỉ được cấp theo quy định của Bộ GDĐT. Điểm khuyến khích đối với các chứng chỉ này được bảo lưu trong toàn cấp học và được cộng vào điểm bài thi để tính điểm xét tốt nghiệp.

2. Thủ trưởng đơn vị ĐKDT chịu trách nhiệm trước Sở GDĐT về điều kiện xét công nhận tốt nghiệp THPT (xếp loại học lực, hạnh kiểm, diện ưu tiên, khuyến khích, điểm bảo lưu) đối với thí sinh ĐKDT tại đơn vị theo đúng Quy chế thi./.

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC IV

**DANH MỤC MÃ TỈNH, MÃ HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ,
MÃ TRƯỜNG THPT VÀ TRUNG TÂM GDNN-GDTX, GDTX TỈNH NĂM 2023**

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày 21/4/2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường | Khu Vực |
|-----|------------|-------------|----------|------------------------|-----------|---|--------------|
| 1 | 39 | Phú Yên | 00 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800 | Học ở nước ngoài_39 | Khu vực 3 |
| 2 | 39 | Phú Yên | 00 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 801 | Trường THPT - Khu vực 1 | Khu vực 1 |
| 3 | 39 | Phú Yên | 00 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 802 | Trường THPT - Khu vực 2NT | Khu vực 2 NT |
| 4 | 39 | Phú Yên | 00 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 803 | Trường THPT - Khu vực 2 | Khu vực 2 |
| 5 | 39 | Phú Yên | 00 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 804 | Trường THPT - Khu vực 3 | Khu vực 3 |
| 6 | 39 | Phú Yên | 00 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900 | Quân nhân, Công an tại ngũ_39 | Khu vực 3 |
| 7 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 001 | THPT Nguyễn Huệ (Trước 25/01/2017) | Khu vực 2 |
| 8 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 003 | Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh (Trước 25/01/2017) | Khu vực 1 |
| 9 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 004 | Phổ thông Duy Tân (Trước 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 10 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 005 | THPT chuyên Lương Văn Chánh (Trước 25/01/2017) | Khu vực 2 |
| 11 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 007 | THPT Ngô Gia Tự (Trước 25/01/2017) | Khu vực 2 |
| 12 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 017 | THPT Nguyễn Trãi (Trước 25/01/2017) | Khu vực 2 |
| 13 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 018 | THPT Nguyễn Trường Tộ (Trước 25/01/2017) | Khu vực 2 |
| 14 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 019 | THPT Nguyễn Bình Khiêm (Trước 25/01/2017) | Khu vực 2 |
| 15 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 022 | Trung tâm GDTX tỉnh (Trước 25/01/2017) | Khu vực 2 |
| 16 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 032 | Cao đẳng nghề Phú Yên (Trước 25/01/2017) | Khu vực 2 |
| 17 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 036 | Đại học Xây dựng Miền Trung (Trước 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 18 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa | 043 | Cao đẳng Công thương Miền Trung (Trước 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 19 | 39 | Phú Yên | 02 | Huyện Đồng Xuân | 014 | THPT Lê Lợi | Khu vực 2 NT |
| 20 | 39 | Phú Yên | 02 | Huyện Đồng Xuân | 027 | THPT Nguyễn Thái Bình | Khu vực 2 NT |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường | Khu Vực |
|-----|------------|-------------|----------|-----------------|-----------|--|--------------|
| 21 | 39 | Phú Yên | 02 | Huyện Đồng Xuân | 028 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đồng Xuân | Khu vực 2 NT |
| 22 | 39 | Phú Yên | 02 | Huyện Đồng Xuân | 042 | THCS và THPT Chu Văn An | Khu vực 1 |
| 23 | 39 | Phú Yên | 02 | Huyện Đồng Xuân | 048 | THPT Lê Lợi (Trước 04/6/2021) | Khu vực 1 |
| 24 | 39 | Phú Yên | 02 | Huyện Đồng Xuân | 060 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đồng Xuân (Trước 04/6/2021) | Khu vực 1 |
| 25 | 39 | Phú Yên | 02 | Huyện Đồng Xuân | 064 | THPT Nguyễn Thái Bình (Trước 04/6/2021) | Khu vực 1 |
| 26 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu | 012 | THPT Phan Đình Phùng (Trước 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 27 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu | 013 | THPT Phan Chu Trinh (Trước 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 28 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu | 035 | THCS và THPT Nguyễn Khuyến (Trước 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 29 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu | 039 | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Sông Cầu (Trước 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 30 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu | 046 | THCS và THPT Võ Nguyên Giáp (Từ 01/01/2022 đến 14/3/2022) | Khu vực 2 |
| 31 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu | 050 | THCS và THPT Võ Nguyên Giáp (Trước tháng 01/2017) | Khu vực 1 |
| 32 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu | 054 | THPT Phan Chu Trinh (Từ 25/01/2017 đến trước 15/3/2022) | Khu vực 1 |
| 33 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu | 055 | THCS và THPT Võ Nguyên Giáp (Từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2019) | Khu vực 2 |
| 34 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu | 061 | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Sông Cầu (Trước 15/3/2022) | Khu vực 1 |
| 35 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu | 063 | THCS và THPT Võ Nguyên Giáp (Từ 01/1/2020 đến trước 31/12/2021) | Khu vực 1 |
| 36 | 39 | Phú Yên | 04 | Huyện Tuy An | 010 | THPT Lê Thành Phương (Từ 25/01/2017 đến 14/3/2022) | Khu vực 2 NT |
| 37 | 39 | Phú Yên | 04 | Huyện Tuy An | 011 | THPT Trần Phú (Trước 15/3/2022) | Khu vực 2 NT |
| 38 | 39 | Phú Yên | 04 | Huyện Tuy An | 025 | THCS và THPT Võ Thị Sáu (Từ 01/01/2021 đến 14/3/2022) | Khu vực 2 NT |
| 39 | 39 | Phú Yên | 04 | Huyện Tuy An | 034 | Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Tuy An (Trước 15/3/2022) | Khu vực 2 NT |
| 40 | 39 | Phú Yên | 04 | Huyện Tuy An | 041 | THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân (Trước 15/3/2022) | Khu vực 2 NT |
| 41 | 39 | Phú Yên | 04 | Huyện Tuy An | 051 | THPT Lê Thành Phương (Trước 25/01/2017) | Khu vực 1 |
| 42 | 39 | Phú Yên | 04 | Huyện Tuy An | 065 | THCS và THPT Võ Thị Sáu (Trước 01/01/2021) | Khu vực 1 |
| 43 | 39 | Phú Yên | 05 | Huyện Sơn Hòa | 015 | THPT Phan Bội Châu | Khu vực 2 NT |
| 44 | 39 | Phú Yên | 05 | Huyện Sơn Hòa | 026 | Trung cấp nghề thanh niên dân tộc Phú Yên | Khu vực 1 |
| 45 | 39 | Phú Yên | 05 | Huyện Sơn Hòa | 040 | THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc | Khu vực 2 NT |
| 46 | 39 | Phú Yên | 05 | Huyện Sơn Hòa | 049 | Trung tâm GDTX-HN Huyện Sơn Hòa | Khu vực 1 |
| 47 | 39 | Phú Yên | 05 | Huyện Sơn Hòa | 062 | THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc (Trước 04/6/2021) | Khu vực 1 |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường | Khu Vực |
|-----|------------|-------------|----------|-------------------|-----------|---|--------------|
| 48 | 39 | Phú Yên | 05 | Huyện Sơn Hòa | 066 | THPT Phan Bội Châu (Trước 04/6/2021) | Khu vực 1 |
| 49 | 39 | Phú Yên | 06 | Huyện Sông Hinh | 016 | THPT Nguyễn Du | Khu vực 1 |
| 50 | 39 | Phú Yên | 06 | Huyện Sông Hinh | 033 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sông Hinh | Khu vực 1 |
| 51 | 39 | Phú Yên | 06 | Huyện Sông Hinh | 038 | THPT Tôn Đức Thắng | Khu vực 1 |
| 52 | 39 | Phú Yên | 06 | Huyện Sông Hinh | 045 | THCS và THPT Võ Văn Kiệt | Khu vực 1 |
| 53 | 39 | Phú Yên | 07 | Huyện Đông Hòa | 030 | THPT DL Lê Thánh Tôn | Khu vực 2 NT |
| 54 | 39 | Phú Yên | 07 | Huyện Đông Hòa | 052 | THPT Nguyễn Văn Linh (Trước 01/2017) | Khu vực 1 |
| 55 | 39 | Phú Yên | 07 | Huyện Đông Hòa | 056 | THPT Lê Trung Kiên (Trước 06/2020) | Khu vực 2 NT |
| 56 | 39 | Phú Yên | 07 | Huyện Đông Hòa | 057 | THPT Nguyễn Công Trứ (Trước 06/2020) | Khu vực 2 NT |
| 57 | 39 | Phú Yên | 07 | Huyện Đông Hòa | 058 | THPT Nguyễn Văn Linh (Từ 01/2017 đến 06/2020) | Khu vực 2 NT |
| 58 | 39 | Phú Yên | 07 | Huyện Đông Hòa | 059 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đông Hòa (Trước 06/2020) | Khu vực 2 NT |
| 59 | 39 | Phú Yên | 08 | Huyện Phú Hòa | 002 | THPT Trần Quốc Tuấn (Trước 04/6/2021) | Khu vực 2 NT |
| 60 | 39 | Phú Yên | 08 | Huyện Phú Hòa | 024 | THPT Trần Bình Trọng (Trước 04/6/2021) | Khu vực 2 NT |
| 61 | 39 | Phú Yên | 08 | Huyện Phú Hòa | 029 | THPT Trần Suyền (Trước 04/6/2021) | Khu vực 2 NT |
| 62 | 39 | Phú Yên | 08 | Huyện Phú Hòa | 044 | Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Phú Hòa (Trước 04/6/2021) | Khu vực 2 NT |
| 63 | 39 | Phú Yên | 09 | Huyện Tây Hòa | 008 | THPT Lê Hồng Phong | Khu vực 2 NT |
| 64 | 39 | Phú Yên | 09 | Huyện Tây Hòa | 009 | THPT Phạm Văn Đồng | Khu vực 2 NT |
| 65 | 39 | Phú Yên | 09 | Huyện Tây Hòa | 021 | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | Khu vực 2 NT |
| 66 | 39 | Phú Yên | 09 | Huyện Tây Hòa | 047 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tây Hòa | Khu vực 2 NT |
| 67 | 39 | Phú Yên | 09 | Huyện Tây Hòa | 053 | Cấp 2-3 Sơn Thành | Khu vực 1 |
| 68 | 39 | Phú Yên | 10 | Thị xã Đông Hòa | 006 | THPT Lê Trung Kiên (Từ 01/06/2020 đến 14/3/2022) | Khu vực 2 |
| 69 | 39 | Phú Yên | 10 | Thị xã Đông Hòa | 020 | THPT Nguyễn Công Trứ (Từ 01/06/2020 đến 14/3/2022) | Khu vực 2 |
| 70 | 39 | Phú Yên | 10 | Thị xã Đông Hòa | 023 | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Đông Hòa | Khu vực 2 |
| 71 | 39 | Phú Yên | 10 | Thị xã Đông Hòa | 037 | THPT Nguyễn Văn Linh (Từ 01/06/2020 đến 14/3/2022) | Khu vực 2 |
| 72 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa | 067 | THPT Nguyễn Huệ (Từ 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 73 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa | 068 | Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh (Từ 25/1/2017) | Khu vực 1 |
| 74 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa | 069 | Phổ thông Duy Tân (Từ 25/1/2017) | Khu vực 2 |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường | Khu Vực |
|-----|------------|-------------|----------|-------------------|-----------|--|--------------|
| 75 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa | 070 | THPT chuyên Lương Văn Chánh (Từ 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 76 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa | 071 | THPT Ngô Gia Tự (Từ 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 77 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa | 072 | THPT Nguyễn Trãi (Từ 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 78 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa | 073 | THPT Nguyễn Trường Tộ (Từ 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 79 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa | 074 | THPT Nguyễn Bình Khiêm (Từ 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 80 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa | 075 | Trung tâm GDTX tỉnh (Từ 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 81 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa | 076 | Cao đẳng nghề Phú Yên (Từ 25/1/2017) | Khu vực 2 |
| 82 | 39 | Phú Yên | 12 | Thị xã Sông Cầu | 077 | THPT Phan Đình Phùng (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 83 | 39 | Phú Yên | 12 | Thị xã Sông Cầu | 078 | THPT Phan Chu Trinh (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 84 | 39 | Phú Yên | 12 | Thị xã Sông Cầu | 079 | THCS và THPT Nguyễn Khuyến (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 85 | 39 | Phú Yên | 12 | Thị xã Sông Cầu | 080 | THCS và THPT Võ Nguyên Giáp | Khu vực 2 |
| 86 | 39 | Phú Yên | 12 | Thị xã Sông Cầu | 091 | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Sông Cầu (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 87 | 39 | Phú Yên | 13 | Thị xã Đông Hòa | 081 | THPT Lê Trung Kiên (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 88 | 39 | Phú Yên | 13 | Thị xã Đông Hòa | 082 | THPT Nguyễn Công Trứ (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 89 | 39 | Phú Yên | 13 | Thị xã Đông Hòa | 083 | THPT Nguyễn Văn Linh (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 90 | 39 | Phú Yên | 13 | Thị xã Đông Hòa | 092 | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Đông Hòa (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 |
| 91 | 39 | Phú Yên | 14 | Huyện Tuy An | 084 | THPT Lê Thành Phương (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 NT |
| 92 | 39 | Phú Yên | 14 | Huyện Tuy An | 085 | THPT Trần Phú (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 NT |
| 93 | 39 | Phú Yên | 14 | Huyện Tuy An | 086 | THCS và THPT Võ Thị Sáu (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 NT |
| 94 | 39 | Phú Yên | 14 | Huyện Tuy An | 087 | THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 NT |
| 95 | 39 | Phú Yên | 14 | Huyện Tuy An | 093 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuy An (Từ 15/3/2022) | Khu vực 2 NT |
| 96 | 39 | Phú Yên | 15 | Huyện Phú Hòa | 088 | THPT Trần Quốc Tuấn (Từ 04/6/2021) | Khu vực 2 NT |
| 97 | 39 | Phú Yên | 15 | Huyện Phú Hòa | 089 | THPT Trần Bình Trọng (Từ 04/6/2021) | Khu vực 2 NT |
| 98 | 39 | Phú Yên | 15 | Huyện Phú Hòa | 090 | THPT Trần Suyền (Từ 04/6/2021) | Khu vực 2 NT |
| 99 | 39 | Phú Yên | 15 | Huyện Phú Hòa | 094 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Hòa (Từ 04/6/2021) | Khu vực 2 NT |

**HƯỚNG DẪN CÁCH GHI MÃ HUYỆN, MÃ TRƯỜNG THPT
Ở PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023**

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày 21/4/2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đến thời điểm hiện nay, Tỉnh Phú Yên có 5 huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là huyện) **không còn xã đặc biệt khó khăn** theo các văn bản quy định của Thủ tướng Chính Phủ gồm:

- Thành phố Tuy Hòa (Từ 25/01/2017 đến nay) theo Quyết định 131/QĐ-TTg, ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

- Huyện Phú Hòa (Từ 04/6/2021 đến nay) theo Quyết định 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Thị xã Sông Cầu, Thị xã Đông Hòa và Huyện Tuy An (Từ 15/3/2022 đến nay) theo Quyết định 353/QĐ-TTg, ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

Để thống nhất về hướng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ đối với thí sinh học tại trường phổ thông thuộc các huyện trên, Bộ GDĐT bắt buộc thay đổi mã huyện và mã trường phổ thông để thuận tiện trong công tác tuyển sinh. Sở GDĐT hướng dẫn các đơn vị thuộc các huyện trên hướng dẫn thí sinh cách ghi mã huyện và mã trường phổ thông vào Phiếu ĐKDT năm 2023 như sau:

1. Các trường thuộc Thành phố Tuy Hòa

Đối với thí sinh tự do hay thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023:

- Tại mục 5: Nơi thường trú (nếu ở thành phố Tuy Hòa) trong Phiếu ĐKDT: Mã tỉnh ghi **39**; Mã huyện ghi **11**;

- Tại mục 6 (Nơi học THPT hoặc tương đương):

+ Năm học lớp 10, 11, 12: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **11** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **11**;

2. Các trường thuộc Thị xã Sông Cầu

a) Đối với thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023:

- Tại mục 5: Nơi thường trú (nếu ở thị xã Sông Cầu) trong Phiếu ĐKDT: Mã tỉnh ghi **39**; Mã huyện ghi **12**;

- Tại mục 6 (Nơi học THPT hoặc tương đương):

+ Năm học lớp 12: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **12** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **12**;

+ Năm học lớp 11, 10: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **03** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **03**.

b) Đối với thí sinh tự do:

- Tại mục 5: Nơi thường trú (nếu ở thị xã Sông Cầu) trong Phiếu ĐKDT: Mã tỉnh ghi **39**; Mã huyện ghi **12**;

- Tại mục 6 (Nơi học THPT hoặc tương đương): Cả 03 năm học lớp 10, 11 và 12 đều ghi Mã tỉnh ghi **39** ứng với Mã huyện **03** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **03**.

3. Các trường thuộc Thị xã Đông Hòa

a) Đối với thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023:

- Tại mục 5: Nơi thường trú (nếu ở thị xã Đông Hòa) trong Phiếu ĐKDT: Mã tỉnh ghi **39**; Mã huyện ghi **13**;

- Tại mục 6 (Nơi học THPT hoặc tương đương):

+ Năm học lớp 12: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **13** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **13**;

+ Năm học lớp 11, 10: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **10** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **10**;

b) Đối với thí sinh tự do:

- Tại mục 5: Nơi thường trú (nếu ở thị xã Đông Hòa) trong Phiếu ĐKDT: Mã tỉnh ghi **39**; Mã huyện ghi **13**;

- Tại mục 6 (Nơi học THPT hoặc tương đương):

i) Nếu học lớp 12 năm học 2021-2022:

+ Năm học lớp 12, 11: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **10** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **10**;

+ Năm học lớp 10: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **07** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **07**.

ii) Nếu học lớp 12 năm học 2020-2021:

+ Năm học lớp 12: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **10** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **10**;

+ Năm học lớp 10, 11: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **07** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **07**.

iii) Nếu tốt nghiệp các năm trước nữa thì các năm học lớp 10, 11, 12: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **07** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **07**.

4. Các trường thuộc Huyện Tuy An

a) Đối với thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023:

- Tại mục 5: Nơi thường trú (nếu ở huyện Tuy An) trong Phiếu ĐKDT: Mã tỉnh ghi **39**; Mã huyện ghi **14**;

- Tại mục 6 (Nơi học THPT hoặc tương đương):

+ Năm học lớp 12: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **14** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **14**;

+ Năm học lớp 10, 11: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **04** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **04**.

b) Đối với thí sinh tự do:

- Tại mục 5: Nơi trường trú (nếu ở huyện Tuy An) trong Phiếu ĐKDT: Mã tỉnh ghi **39**; Mã huyện ghi **14**;
- Tại mục 6 (Nơi học THPT hoặc tương đương): Cả 03 năm học lớp 10, 11 và 12 đều ghi Mã tỉnh ghi **39** ứng với Mã huyện **04** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **04**.

5. Các trường thuộc Huyện Phú Hòa

a) Đối với thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022-2023:

- Tại mục 5: Nơi thường trú (nếu ở huyện Phú Hòa) trong Phiếu ĐKDT: Mã tỉnh ghi **39**; Mã huyện ghi **15**;
- Tại mục 6 (Nơi học THPT hoặc tương đương):
 - + Năm học lớp 11, 12: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **15** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **15**;
 - + Năm học lớp 10: ghi Mã tỉnh **39** ứng với mã Huyện **08** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với mã huyện **08**.

b) Đối với thí sinh tự do:

- Tại mục 5: Nơi trường trú (nếu ở huyện Phú Hòa) trong Phiếu ĐKDT: Mã tỉnh ghi **39**; Mã huyện ghi **15**;
- Tại mục 6 (Nơi học THPT hoặc tương đương):

i) Nếu học lớp 12 năm học 2021-2022:

- + Năm học lớp 12: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **15** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **15**;
- + Năm học lớp 10, 11: ghi Mã tỉnh **39** ứng với Mã huyện **08** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **08**.

ii) Nếu học lớp 12 năm học 2020-2021:

- Cả 03 năm học lớp 10, 11 và 12 đều ghi Mã tỉnh ghi **39** ứng với Mã huyện **08** và Mã trường phổ thông ghi tương ứng với Mã huyện **08**.

Số phiếu:

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(Thí sinh dự thi chỉ để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ thì **KHÔNG PHẢI** khai Phiếu này;
Thí sinh nộp Phiếu này tại nơi nộp Phiếu đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 02 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô bên trái)

Ngày

Tháng

Năm

3. Nơi sinh (Tỉnh hoặc thành phố):

4. Dân tộc (Ghi bằng chữ):

5. Số căn cước công dân số/ Chứng minh nhân dân (Ghi mỗi số vào một ô)

6. Thí sinh tự do (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu là thí sinh tự do)

7. Mã số định danh trên CSDL toàn ngành

B. THÔNG TIN ĐỂ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

8. Điểm trung bình cả năm lớp 12:

9. Xếp loại cuối năm lớp 12: Hạnh kiểm:..... Học lực:.....

10. Hình thức giáo dục phổ thông: (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng)

THPT GDTX

Đối với hình thức GDTX, ghi rõ năm hoàn thành chương trình GDTX cấp THPT

11. Đối tượng miễn thi tốt nghiệp: (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu thuộc đối tượng miễn thi tốt nghiệp)

12. Điểm khuyến khích được cộng thêm:

- Chứng nhận nghề hoặc Bằng tốt nghiệp trung cấp, xếp loại:, điểm cộng:

- Đạt giải trong các kỳ thi (chọn giải cao nhất) do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn khác từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT, gồm:

+ Thi học sinh giỏi các môn văn hoá: giải, điểm cộng:

+ Thi thí nghiệm thực hành (Vật lý, Hoá học, Sinh học), thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế: giải, điểm cộng:

- Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ:, điểm cộng:

- Chứng chỉ tin học trình độ:, điểm cộng:

- Tổng điểm được cộng thêm: (không quá 04 điểm)

13. Diện ưu tiên xét tốt nghiệp (Ghi kí hiệu theo diện hướng dẫn):

C. HỒ SƠ KÈM THEO

- | | | | | |
|---|----|--------------------------|-------|--------------------------|
| 1. Học bạ:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 2. Giấy khai sinh (bản sao):..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 3. Bằng tốt nghiệp THCS hoặc trung cấp (bản sao):.. | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 4. Chứng nhận miễn thi tốt nghiệp:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 5. Chứng chỉ để miễn thi ngoại ngữ:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 6. Giấy chứng nhận nghề:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 7. Giấy chứng nhận đạt giải trong các kỳ thi:... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 8. Chứng chỉ ngoại ngữ (GDTX): | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 9. Chứng chỉ tin học (GDTX):..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 10. Giấy xác nhận điểm bảo lưu:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 11. Giấy tờ khác (nếu có):..... | | | | |

D. CAM ĐOAN

Tôi cam đoan những lời khai trong Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ghi chú: Sau ngày thi, mọi yêu cầu sửa đổi bổ sung nội dung lời khai sẽ không được chấp nhận.

Ngày tháng năm 2023.

Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

Ngày tháng năm 2023

Người nhận

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày tháng năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐKDT

(Ký tên và đóng dấu)

.....

.....

Mặt sau: HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**I. ĐIỆN ƯU TIÊN XÉT TỐT NGHIỆP THPT**

Thí sinh thuộc một trong các diện:

1. Diện 1: Không được cộng điểm ưu tiên.

Còn gọi là diện bình thường.

Ký hiệu: D1

2. Diện 2: Cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động dưới 81% (chỉ với GDTX); Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động. *Ký hiệu: D2-TB2*

- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con Bà mẹ VN anh hùng. *Ký hiệu: D2-CAH*

- Người dân tộc thiểu số.

Ký hiệu: D2-TS2

- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có nơi thường trú trong thời gian học cấp THPT từ 03 năm trở lên (tính đến ngày thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; ở xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT.

Ký hiệu: D2-VS2

- Người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học. *Ký hiệu: D2-CHH*

- Có tuổi đời từ 35 tuổi trở lên, tính đến ngày thi (đối với thí sinh GDTX).

Ký hiệu: D2-T35

3. Diện 3: Cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học cấp THPT từ 03 năm trở lên ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135 Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc, học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận của các thành phố trực thuộc Trung ương.

Ký hiệu: D3-TS3

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX).

Ký hiệu: D3-TB3

- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

Ký hiệu: D3-CLS

* *Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên thì chỉ hưởng theo tiêu chuẩn cao nhất.*

II. ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH**1. Đạt giải cá nhân kỳ thi học sinh giỏi bộ môn văn hoá lớp 12:**

- Giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: 2,0 điểm.

- Giải khuyến khích cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh: 1,5 điểm.

- Giải ba cấp tỉnh: 1,0 điểm.

2. Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:

- Giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: 2,0 điểm.

- Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia hoặc Huy chương Bạc: 1,5 điểm.

- Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: 1,0 điểm.

* *Giải đồng đội chỉ tính cho giải quốc gia, mức điểm cộng thêm giống như giải cá nhân.*

* *Học sinh đạt nhiều giải khác nhau thì chỉ được hưởng mức cộng điểm của giải cao nhất.*

3. Được cấp Giấy chứng nhận nghề (CCN) hoặc có Bằng tốt nghiệp trung cấp (BTC):

- Loại giỏi (CCN)/loại xuất sắc và giỏi (BTC): 2,0 điểm.

- Loại khá (CCN)/loại khá và trung bình khá (BTC): 1,5 điểm.

- Loại trung bình: 1,0 điểm.

4. Học viên GDTX có chứng chỉ Ngoại ngữ A hoặc bậc 1 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên; chứng chỉ Tin học A hoặc chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên: được cộng thêm 1,0 điểm cho mỗi loại chứng chỉ.

* *Điểm khuyến khích tối đa của các mục 1,2,3,4 trên không quá 4,0 điểm.*

* *Điểm khuyến khích quy định của các mục 1,2,3,4 trên được bảo lưu trong toàn cấp học./.*

LƯU Ý: Thí sinh tự do tại Mục 6 là thí sinh thuộc điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế thi; Mục 7 trên phiếu đăng ký chỉ dành cho thí sinh là học sinh đang học lớp 12 trong năm tổ chức thi, “Mã số định danh trên CSDL toàn ngành” do các trường phổ thông cung cấp.